

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Bản án số: 62/2025/DS-ST
Ngày: 09-5-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Nga– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà [Nguyễn Thị Việt C](#)– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2025/TLST-DS ngày 14-02-2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 61/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#).

Địa chỉ: [2 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh](#).

Người đại diện theo pháp luật: Bà [Nguyễn Đức Thạch D](#)- Tổng Giám đốc.
(vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông [Lê Ngọc T](#)- Tổng Giám đốc [Công ty TNHH MTV Q](#) và khai thác tài sản [Ngân hàng S \(Công ty S1\)](#).

Ông [T](#) ủy quyền lại cho ông [Trần Đức T1](#)- Nhân viên [Công ty TNHH MTV Q](#) và khai thác Tài sản [Ngân hàng S](#) theo Văn bản ủy quyền số 5897/2024/UQ-TGD ngày 20-8-2024 (Ông [T1](#) có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông [Nguyễn Anh T2](#), sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: [Số B B, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#) (gọi tắt là Ngân hàng)- ông [Trần Đức T1](#) trình bày:

Ngày 30/06/2013, [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#) ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng— các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông [T2](#), Ngân hàng đã đồng ý cấp 2 thẻ tín dụng gồm thẻ Visa Credit Classic 3544283165, thẻ Family Local Credit 3854256819 với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông [T2](#) đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.881.055 đồng; trong đó thẻ [V](#) 3544283165 là 18.381.055 đồng, thẻ [F](#) 3854256819 là 1.500.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông [T2](#) đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 4.436.747 đồng; trong đó thẻ [V](#) 3544283165 là 4.147.000 đồng, thẻ [F](#) 3854256819 là 289.747 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông [T2](#) vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông [T2](#) vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ngày 06/07/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng và thanh lý thẻ của ông [T2](#) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 09/05/2025, ông [T2](#) còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền 114.420.736 đồng, trong đó: Nợ gốc: 21.487.754 đồng, nợ lãi quá hạn: 92.932.982 đồng.

Nay, [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#) khởi kiện ông [T2](#) yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau: Buộc ông [Nguyễn Anh T2](#) có nghĩa vụ thanh toán cho [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#) tổng số tiền tính đến ngày 09-5-2025 là 114.420.736 đồng, gồm: Nợ gốc: 21.487.754 đồng (trong đó thẻ [V](#) 3544283165 là 19.415.536 đồng; thẻ Family Local Credit 3854256819 là 2.072.218 đồng) nợ lãi quá hạn: 92.932.982 đồng (trong đó: Thẻ Visa Credit Classic 3544283165 là 82.673.992 đồng; thẻ [F](#) 3854256819 là 10.258.990 đồng).

Ngoài ra ông [Nguyễn Anh T2](#) còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#) tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 10-5-2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#): Trong suốt quá trình tố tụng của vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông [T2](#) không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết có hình thức, nội dung phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân khoản vay, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#) khởi kiện bị đơn là ông [Nguyễn Anh T2](#) yêu cầu ông [T2](#) trả cho ngân hàng tiền gốc, lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 30-6-2013 nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn không có địa chỉ đăng ký thường trú, tạm trú tại địa chỉ [số B B, Phường H, thành phố V](#) và hiện nay không sinh sống tại địa chỉ trên. Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ghi trong hợp đồng tín dụng nên được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc của bị đơn. Trong vụ án này bị đơn đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú nhưng ông [T2](#) không thông báo cho Ngân hàng được biết về nơi cư trú, nơi làm việc mới theo quy định nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 5-5-2017 của HĐTP-TANDTC, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo địa chỉ trong hợp đồng tín dụng mà ngân hàng cung cấp là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#) ký phê duyệt ngày 30-6-2013:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của Ngân hàng ký phê duyệt ngày 30-6-2013 thì giữa chủ thẻ là ông [Nguyễn Anh T2](#) và bên phát hành thẻ

là Ngân hàng có sự thỏa thuận về việc cấp và sử dụng thẻ Visa Credit Classic và thẻ Family Local Credit với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. [Ngân hàng TMCP S](#) đã giải ngân khoản vay 20.000.000 đồng cho ông [T2](#). Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng tín dụng được giao kết hoàn tự nguyện, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật Dân sự, Điều 90, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Xét về số nợ gốc, nợ lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của [Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S](#) ký phê duyệt ngày 30-6-2013, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc: Theo các điều khoản của Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng và ông [T2](#) cùng với bảng tóm tắt sao kê của hai thẻ tín dụng mà Ngân hàng cung cấp thì tính đến ngày 09-5-2025, ông [T2](#) đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 19.881.055 đồng; trong đó thẻ [V](#) 3544283165 là 18.381.055 đồng, thẻ [F](#) 3854256819 là 1.500.000 đồng. Ông [T2](#) đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 4.436.747 đồng; trong đó thẻ [V](#) 3544283165 là 4.147.000 đồng, thẻ [F](#) 3854256819 là 289.747 đồng. Do đó, số tiền nợ gốc còn lại ông [T2](#) phải thanh toán tính đến ngày 09-5-2025 là: 21.487.754 đồng (trong đó thẻ [V](#) 3544283165 là 19.415.536 đồng, thẻ [F](#) 3854256819 là 2.072.218 đồng).

Về nợ lãi quá hạn: Căn cứ vào Luật Tổ chức tín dụng, bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng và các Thông báo về việc thay đổi lãi suất, nguyên tắc tính lãi, phí thẻ tín dụng, mức lãi suất áp dụng đối với thẻ Visa Credit Classic là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn: 3.225%/tháng và thẻ Family Local Credit là 2.5%/tháng, lãi suất quá hạn là: 3.75%/tháng. Tính đến ngày 09-5-2025 nợ lãi quá hạn của thẻ Visa Credit Classic 3544283165 là 82.673.992 đồng và thẻ [F](#) 3854256819 là 10.258.990 đồng. Tổng số tiền lãi mà ông [T2](#) phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 09-5-2025 là: 92.932.982 đồng.

Như vậy, đủ căn cứ buộc ông [T2](#) phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc chưa trả, tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, cụ thể tính đến ngày 09-5-2025 tổng số tiền là 114.420.736 đồng, gồm: Nợ gốc: 21.487.754 đồng (trong đó thẻ [V](#) 3544283165 là 19.415.536 đồng; thẻ Family Local Credit 3854256819 là 2.072.218 đồng) nợ lãi quá hạn: 92.932.982 đồng (trong đó: Thẻ Visa Credit Classic 3544283165 là 82.673.992 đồng; thẻ [F](#) 3854256819 là 10.258.990 đồng).

Ngoài ra ông [T2](#) còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho [Ngân hàng TMCP S](#) tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 10-5-2025 cho đến khi ông [T2](#) thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng Thương Mai Cổ Phần S](#) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông [Nguyễn Anh T2](#). Buộc ông [Nguyễn Anh T2](#) phải thanh toán cho [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#) tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09-5-2025) với tổng số tiền là 114.420.736đ (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm hai mươi ngàn bảy trăm ba mươi sáu đồng) gồm: Nợ gốc: 21.487.754đ (Hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi bốn đồng), trong đó thẻ [V](#) 3544283165 là 19.415.536đ; thẻ [Family L](#) Credit 3854256819 là 2.072.218đ; Nợ lãi quá hạn: 92.932.982đ (Chín mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai ngàn chín trăm tám mươi hai đồng), trong đó: Thẻ Visa Credit Classic 3544283165 là 82.673.992đ; thẻ [Family Local C1](#) 3854256819 là 10.258.990đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10-5-2025), ông [Nguyễn Anh T2](#) phải có nghĩa vụ thanh toán cho [Ngân hàng TMCP S](#) tiền lãi phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đã ký kết cho đến khi ông [T2](#) thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông [Nguyễn Anh T2](#) phải nộp 5.721.037đ (Năm triệu bảy trăm hai mươi một ngàn không trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S2](#) Tính số tiền MERGEFIELD số_tiền_biên_lai 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm ngàn đồng) ứng án phí đã nộp theo [B](#) lại thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002689 ngày 11-02-2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hồng Hạnh